

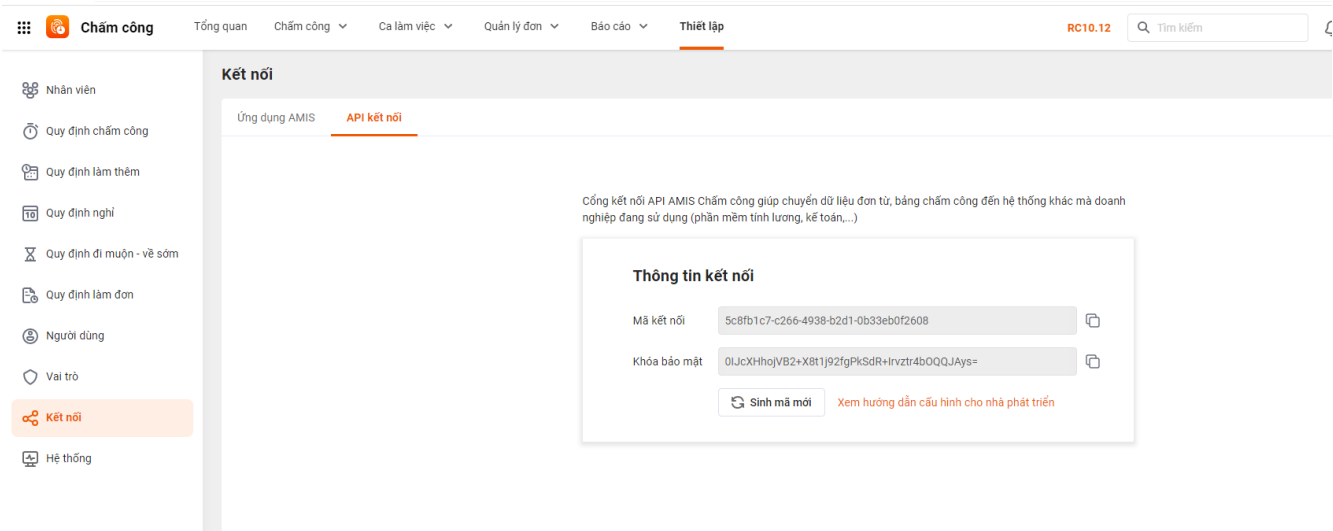
MỤC LỤC

A)	Xác thực	2
I.	Hướng dẫn lấy “Mã kết nối” và “Khóa bảo mật” trên phần mềm Chấm Công.....	2
II.	Tạo tham số trong header của API.....	2
III.	Cách sinh token.....	3
B)	Lấy dữ liệu	4
I.	API lấy danh sách bảng chấm công chi tiết theo khoảng thời gian	4
II.	API lấy dữ liệu chi tiết bảng chấm công.....	6
III.	API lấy danh sách bảng chấm công tổng hợp theo khoảng thời gian	13
IV.	API lấy chi tiết bảng chấm công tổng hợp.....	16
V.	API lấy danh sách đơn	20
VI.	API lấy danh sách thông tin nhân viên	33
VII.	API lấy dữ liệu chấm công thô.....	34
C)	Đẩy dữ liệu	36
I.	API đẩy dữ liệu chấm công	36

A) Xác thực

I. Hướng dẫn lấy “Mã kết nối” và “Khóa bảo mật” trên phần mềm Chấm Công

Anh/chị truy cập vào phân hệ **Thiết lập** > **Kết nối** chọn mục API Kết nối.



II. Tạo tham số trong header của API

☐ Đối với những API lấy dữ liệu

Tham số	Giá trị
x-clientid	Giá trị “ Mã kết nối ” trong ô input trên phần mềm
x-transactionid	Tạo 1 mã Guid mới mỗi khi gọi API (Có thể fix cứng và dùng lại)
x-token	Được tạo từ “ Khóa bảo mật ” trong ô input trên phần mềm và “x-transactionid” theo thuật toán HMACSHA256 (Thuật toán được mô tả bên dưới ở mục 3)

III. Cách sinh token

- Chuỗi **Token** được sinh ra theo thuật toán HMACSHA256 như sau:

```
public static string CreateHMACSHA256Hash(string secretKey, string input)
{
    using (var mySHA256 = new HMACSHA256(Encoding.UTF8.GetBytes(secretKey)))
    {
        byte[] hashValue = mySHA256.ComputeHash(Encoding.UTF8.GetBytes(input));
        return Convert.ToBase64String(hashValue);
    }
}
```

Trong đó:

secretKey: Giá trị trong ô “Khóa bảo mật” trên phần mềm.

input: Đối với API lấy dữ liệu => **Input** là x-transactionid (Đã mô tả trên header)

B) Lấy dữ liệu

I. API lấy danh sách bảng chấm công chi tiết theo khoảng thời gian

1. URL: <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-timesheet>
2. Method: POST
3. Header: Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. Param truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "Filter": null,
  "CustomFilter": null,
  "QuickSearch": {},
  "CustomParam": {
    "FromDate": "2023-03-01", // Lấy dữ liệu từ
    "ToDate": "2023-03-31" // Lấy dữ liệu đến
  }
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, cho lấy tối đa 100 bản ghi 1 lần, mặc định là 50
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để = 1
- FromDate: Lấy dữ liệu từ
- ToDate: Lấy dữ liệu đến

5. Response trả về
 - i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 1,
    "PageData": [
      {
        "TimeSheetID": 1516, // ID bảng
        "TimeSheetName": "Bảng chấm công từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023", // Tên bảng
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị cơ cấu tổ chức áp dụng
        "JobPositionNames": "Tất cả vị trí", // Vị trí công việc áp dụng
        "FromDate": "2023-03-01T00:00:00.000+07:00", // Thời tính công từ ngày
        "ToDate": "2023-03-31T00:00:00.000+07:00", // Thời tính công đến ngày
        "TimeSheetType": 3, // Loại bảng: 1-theo ca, 2-theo ngày, 3-theo giờ
        "WorkCalculator": null, // Tính công theo: 1-công chuẩn cố định, 2-công chuẩn theo tháng
        "IsUseBySummary": 1, // Đã được tạo bảng chấm công tổng hợp chưa
        "IsLocked": 0, // Bảng đã bị khóa chưa
        "CreatedDate": "2023-05-12T10:14:46.396+07:00", // Ngày tạo bảng
        "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
        "ModifiedDate": "2023-05-12T10:14:46.397+07:00", // Ngày chỉnh sửa
        "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
      }
    ]
  },
  "GetLastData": true,
}
```

"ServerTime": "2023-06-08T09:21:43.443+07:00"
}

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	object	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Trong đó:
PageData: Danh sách object nhân viên dạng {key : value}, “key” tương ứng với tên trường là gì, và kiểu dữ liệu của trường đó là gì được mô tả bên dưới
Total: Tổng số lượng nhân viên đang có trên chương trình

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
TimeSheetID	ID bảng	INT
TimeSheetName	Tên bảng	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị cơ cấu tổ chức áp dụng	VARCHAR(255)
JobPositionNames	Vị trí công việc áp dụng	VARCHAR(255)

FromDate	Thời tính công từ ngày	DATETIME
ToDate	Thời tính công đến ngày	DATETIME
TimeSheetType	Loại bảng: 1-theo ca, 2-theo ngày, 3-theo giờ	INT
WorkCalculator	Tính công theo: 1-công chuẩn cố định, 2-công chuẩn theo tháng	INT
IsUseBySummary	Đã được tạo bảng chấm công tổng hợp chưa	Bit
IsLocked	Bảng đã bị khóa chưa	Bit
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

II. API lấy dữ liệu chi tiết bảng chấm công

1. **URL:** <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-timesheet-detail>
2. **Method:** POST
3. **Header:** Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. **Param** truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "Filter": null,
  "CustomFilter": null,
  "QuickSearch": {},
  "CustomParam": {
    "TimeSheetID": 1516, // ID bảng chấm công muốn lấy dữ liệu
  }
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, mặc định là 50, -1 nếu muốn lấy tất cả
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để = 1
- TimeSheetID: ID bảng chấm công muốn lấy dữ liệu

5. Response trả về

i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 1,
    "PageData": [
      {
        "TimeSheetID": 1516, // ID bảng chính
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên
      }
    ]
  }
}
```

"EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên
"OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị cơ cấu tổ chức của nhân viên
"JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của nhân viên
"DataDaily": "{\n\"Day1\": {\n\"DayType\": 1, \"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0,\n\"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0, \"SalaryRate\": 0.0, \"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0,\n\"ActualHours\": 4.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"CheckEndTime\": \"2023-03-01T21:30:00.000+07:00\",
\"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"CheckStartTime\": \"2023-03-01T10:00:00.000+07:00\", \"ListAttendance\":
\"[{\\\"AttendanceTypeID\\\":1624,\\\"AttendanceTypeName\\\":\\\"Nghỉ không
lương\\\",\\\"AttendanceTypeName_EN\\\":\\\"Unpaid
leave\\\",\\\"TotalLeave\\\":0.0,\\\"SalaryRate\\\":0.0,\\\"IsAttendance\\\":false,\\\"LeaveDay\\\":8.0,\\\"Dictio
naryKey\\\":null,\\\"LeaveFirst\\\":4.0,\\\"FromDate\\\":null,\\\"ToDate\\\":null,\\\"IsBussiness\\\":false}]\",
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"TotalAttendance\": 0.0, \"AttendanceTypeID\": 1624,
\"WorkLocationCode\": \"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\":
\"CaHC\", \"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"AttendanceTypeName\":
\"Nghỉ không lương\", \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0, \"AttendanceTypeName_EN\": \"Unpaid
leave\", \"TotalAttendanceByWorkingShift\": 0.0}], \"Day2\": {\n\"DayType\": 1, \"EndTime\": \"17:30:00\",
\"Working\": 6.5, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"DataConfig\":
\"[{\\\"DataField\\\":\\\"CustomColumn_TEST\\\",\\\"DataName\\\":\\\"test\\\",\\\"ID\\\":125441,\\\"DataTyp
e\\\":\\\"number-empty\\\",\\\"Value\\\":\\\"0\\\",\\\"IsReload\\\":false}]\", \"LastInTime\": 30,
\"TotalLeave\": 1.5, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 10.5, \"WorkingRate\": 1.0, \"CheckEndTime\":
\"2023-03-02T21:30:00.000+07:00\", \"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\":
\";Working;TotalWorkingActual\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"CheckStartTime\": \"2023-03-02T09:30:00.000+07:00\", \"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\":
\"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085, \"WorkingShiftID\": 1097, \"WorkingManeuver\": 0.0,
\"WorkLocationCode\": \"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\":
\"CaHC\", \"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"TotalWorkingActual\": 6.5, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}], \"Day3\": {\n\"DayType\": 1, \"EndTime\":
\"17:30:00\", \"Working\": 9.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"TotalLeave\": 0.0, \"WorkStatus\": 0,
\"ActualHours\": 7.983333333333325, \"ListActuals\":
\"{\\\"Working\\\":7.983333333333325,\\\"TotalOvertime\\\":8.0,\\\"ReTotalOvertime\\\":null}\\\",
\"WorkingRate\": 1.0, \"CheckEndTime\": \"2023-03-03T17:29:00.000+07:00\", \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 5, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\":
6.983333333333325, \"CheckStartTime\": \"2023-03-03T08:00:00.000+07:00\", \"OvertimeDetail\":
\"[{\\\"OverTimeTypeID\\\":5098,\\\"OverTimeTypeName\\\":\\\"Nghỉ
bù\\\",\\\"OverTimeType\\\":2,\\\"FromDate\\\":\\\"2023-03-
03T02:00:00.000+07:00\\\",\\\"ToDate\\\":\\\"2023-03-
03T04:00:00.000+07:00\\\",\\\"TotalOTSalary\\\":0.0,\\\"TotalOTCompensation\\\":0.983333333333325,\\\"
OverTimeRate\\\":1.0,\\\"Reason\\\":\\\"OT\\\",\\\"WorkingShiftID\\\":1097.0},{\\\"OverTimeTypeID\\\":509
9,\\\"OverTimeTypeName\\\":\\\"Nghỉ bù\\\",\\\"OverTimeType\\\":2,\\\"FromDate\\\":\\\"2023-03-
03T04:00:00.000+07:00\\\",\\\"ToDate\\\":\\\"2023-03-
03T07:00:00.000+07:00\\\",\\\"TotalOTSalary\\\":0.0,\\\"TotalOTCompensation\\\":3.0,\\\"OverTimeRate\\\":
1.0,\\\"Reason\\\":\\\"OT\\\",\\\"WorkingShiftID\\\":1097.0},{\\\"OverTimeTypeID\\\":5101,\\\"OverTimeTyp
eName\\\":\\\"Hưởng lương\\\",\\\"OverTimeType\\\":1,\\\"FromDate\\\":\\\"2023-03-
03T18:00:00.000+07:00\\\",\\\"ToDate\\\":\\\"2023-03-
03T21:00:00.000+07:00\\\",\\\"TotalOTSalary\\\":3.0,\\\"TotalOTCompensation\\\":0.0,\\\"OverTimeRate\\\":
1.0,\\\"Reason\\\":\\\"OT\\\",\\\"WorkingShiftID\\\":1097.0}]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\",
\"WorkLocationID\": 6085, \"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\":
\"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\",
\"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\":
7.983333333333325, \"WorkingRateHoliday\": 3.0, \"WorkingRateWeekday\": 1.0,
\"WorkingRateWeekend\": 2.0, \"TotalLastInFirstOutInRequest\": 0}], \"Day4\": {\n\"DayType\": 3,
\"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0,
\"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,

\"WorkingHoliday\": \"{\\\"HolidayName\\\":\\\"Sinh nhật minh\\\",\\\"TotalLeave\\\":8.0}\",
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}, \"Day5\": [{\"DayType\": 1,
\"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 4.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0,
\"TotalLeave\": 4.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"BussinessLocation\":
\"{\\\"BusinessLocationID\\\":153,\\\"TotalMissionAllowance\\\":4.0,\\\"FirstMissionAllow\\\":0.0}\",
\"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0, \"TotalMissionAllowance\": 4.0,
\"BussinessLocationFlexible\":
\"{\\\"BusinessLocationID\\\":153,\\\"TotalMissionAllowance\\\":4.0,\\\"FirstMissionAllow\\\":0.0,\\\"FromDate\\\":
\\\"2023-03-06T13:30:00.000+07:00\\\",\\\"ToDate\\\":\\\"2023-03-06T17:30:00.000+07:00\\\"}\",
\"TotalAttendanceByWorkingShift\": 0.0}, \"Day7\": [{\"DayType\": 1, \"EndTime\": \"17:30:00\",
\"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0, \"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0,
\"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\",
\"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0, \"OvertimeDetail\": \"[]\",
\"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085, \"WorkingShiftID\": 1097,
\"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ
trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0,
\"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0, \"WorkingRateWeekday\": 1.0,
\"WorkingRateWeekend\": 2.0}, \"Day8\": [{\"DayType\": 3, \"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0,
\"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0, \"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\":
0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0,
\"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0, \"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\",
\"WorkLocationID\": 6085, \"WorkingHoliday\": \"{\\\"HolidayName\\\":\\\"Phụ
nữ\\\",\\\"TotalLeave\\\":8.0}\", \"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0,
\"WorkLocationCode\": \"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\":
\"CaHC\", \"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0,
\"WorkingRateHoliday\": 3.0, \"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}, \"Day9\":
[{\"DayType\": 3, \"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\",
\"LastInTime\": 0, \"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0,
\"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9,
\"TotalOvertime\": 0.0, \"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\":
6085, \"WorkingHoliday\": \"{\\\"HolidayName\\\":\\\"Phụ nữ\\\",\\\"TotalLeave\\\":8.0}\",
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}, \"Day10\": [{\"DayType\": 3,
\"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0,
\"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingHoliday\": \"{\\\"HolidayName\\\":\\\"Phụ nữ\\\",\\\"TotalLeave\\\":8.0}\", \"WorkingShiftID\":
1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\", \"WorkLocationName\": \"Trung tâm
hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\": \"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0,
\"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0, \"WorkingRateWeekday\": 1.0,
\"WorkingRateWeekend\": 2.0},
\"Day11\": [{\"DayType\": 2, \"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\",
\"LastInTime\": 0, \"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0,
\"EndBreakTime\": \"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9,
\"TotalOvertime\": 0.0, \"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\":
6085, \"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",

[illegible]

[illegible]

```

\"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}], \"Day30\": [{\"DayType\": 1,
\"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0,
\"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}], \"Day31\": [{\"DayType\": 1,
\"EndTime\": \"17:30:00\", \"Working\": 0.0, \"StartTime\": \"08:00:00\", \"LastInTime\": 0,
\"TotalLeave\": 8.0, \"WorkStatus\": 0, \"ActualHours\": 0.0, \"WorkingRate\": 1.0, \"EndBreakTime\":
\"13:30:00\", \"FieldChanges\": \"\", \"FirstOutTime\": 0, \"RequieCheckIn\": 9, \"TotalOvertime\": 0.0,
\"OvertimeDetail\": \"[]\", \"StartBreakTime\": \"12:00:00\", \"WorkLocationID\": 6085,
\"WorkingShiftID\": 1097, \"LastInBreakTime\": 0, \"WorkLocationCode\": \"DV092\",
\"WorkLocationName\": \"Trung tâm hỗ trợ\", \"WorkingShiftCode\": \"CaHC\", \"WorkingShiftName\":
\"CaHC\", \"FirstOutBreakTime\": 0, \"TotalWorkingActual\": 0.0, \"WorkingRateHoliday\": 3.0,
\"WorkingRateWeekday\": 1.0, \"WorkingRateWeekend\": 2.0}]]\", // Thông tin chi tiết công theo từng ngày
của nhân viên
    \"CreatedDate\": \"2023-05-12T10:14:30.000+07:00\", // Ngày tạo bảng
    \"CreatedBy\": \"NV0000612\", // Người tạo bảng
    \"ModifiedDate\": \"2023-05-12T10:14:30.000+07:00\", // Ngày chỉnh sửa
    \"ModifiedBy\": \"NV0000612\" // Người chỉnh sửa
  }
}
},
\"GetLastData\": true,
\"ServerTime\": \"2023-06-08T09:24:21.999+07:00\"
}

```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999

SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	object	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Trong đó:
PageData: Danh sách object cơ cấu tổ chức dạng {key : value}, “key” tương ứng với tên trường là gì, và kiểu dữ liệu của trường đó là gì được mô tả bên dưới
Total: Tổng số lượng cơ cấu tổ chức đang có trên chương trình

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
TimeSheetID	ID bảng	INT
FullName	Tên nhân viên	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị cơ cấu tổ chức của nhân viên	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của nhân viên	VARCHAR(255)
DataDaily	Thông tin chi tiết công theo từng ngày của nhân viên	JSON
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

III. API lấy danh sách bảng chấm công tổng hợp theo khoảng thời gian

1. **URL:** <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-timesheet-summary>
2. **Method:** POST
3. **Header:** Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. **Param** truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "Filter": null,
  "CustomFilter": null,
  "QuickSearch": {},
  "CustomParam": {
    "FromDate": "2023-03-01", // Bảng tổng hợp công từ
    "ToDate": "2023-03-31" // Bảng tổng hợp công đến
  }
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, mặc định là 50
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để = 1
- FromDate: Bảng tổng hợp công từ
- ToDate: Bảng tổng hợp công đến

5. Response trả về

i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 1,
    "PageData": [
      {
        "TimeSheetsSummaryID": 1306, // ID bảng chấm công tổng hợp
        "TimeSheetSummaryName": "Bảng chấm công tổng hợp 01/03/2023 - 31/03/2023 - Cty Cổ phần thực phẩm TOCOTOCO", // Tên bảng chấm công tổng hợp
        "TimeSheetSummaryType": 3, // 1-Theo ca, 2-Theo ngày, 3-Theo giờ
        "WorkCalculator": null, // 1-Công chuẩn cố định, 2-Công chuẩn theo tháng
        "OrganizationUnitName": "Cty Cổ phần thực phẩm TOCOTOCO", // Đơn vị cơ cấu tổ chức áp dụng
        "JobPositionName": "", // Vị trí công việc áp dụng
        "StartDate": "2023-03-01T00:00:00.000+07:00", // Thời gian tổng hợp công từ
        "EndDate": "2023-03-31T00:00:00.000+07:00", // Thời gian tổng hợp công đến
        "IsWorkLocation": 1, // Có tổng hợp theo địa điểm làm việc
        "CreatedDate": "2023-05-15T09:00:53.794+07:00", // Ngày tạo bảng
        "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
        "ModifiedDate": "2023-06-06T17:02:43.128+07:00", // Ngày chỉnh sửa
        "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
      }
    ]
  },
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T09:26:55.060+07:00"
}
```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	object	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Trong đó:
PageData: Danh sách object vị trí công việc dạng {key : value}, “key” tương ứng với tên trường là gì, và kiểu dữ liệu của trường đó là gì được mô tả bên dưới
Total: Tổng số lượng vị trí công việc đang có trên chương trình

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
TimeSheetsSummaryID	ID bảng chấm công tổng hợp	INT
TimeSheetSummaryName	Tên bảng chấm công tổng hợp	VARCHAR(255)
TimeSheetSummaryType	1-Theo ca, 2-Theo ngày, 3-Theo giờ	INT
WorkCalculator	1-Công chuẩn cố định, 2-Công chuẩn theo tháng	INT
OrganizationUnitName	Đơn vị cơ cấu tổ chức áp dụng	VARCHAR(255)

JobPositionName	Vị trí công việc áp dụng	VARCHAR(255)
StartDate	Thời gian tổng hợp công từ	DATETIME
EndDate	Thời gian tổng hợp công đến	DATETIME
IsWorkLocation	Có tổng hợp theo địa điểm làm việc	Bit
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

IV. API lấy chi tiết bảng chấm công tổng hợp

1. **URL:** <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-timesheet-summary-detail>
2. **Method:** POST
3. **Header:** Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. **Param** truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "Filter": null,
  "CustomFilter": null,
  "QuickSearch": {},
  "CustomParam": {
    "TimeSheetSummaryID": 1306, // ID bảng chấm công tổng hợp
  }
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, chỉ cho phép lấy tối đa 100 bản ghi 1 lần, mặc định là 50
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để = 1
- TimeSheetSummaryID: ID bảng chấm công tổng hợp

5. Response trả về

i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 4,
    "PageData": [
      {
        "TimeSheetSummaryID": 1306, // ID bảng chấm công tổng hợp
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị cơ cấu tổ chức
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc áp dụng
        "Standard": 184.00000, // Công chuẩn
        "WorkingWeekDay": 15.50000, // Công ngày thường
        "WorkingWeekEnd": 0.00000, // Công ngày nghỉ
        "WorkingHoliday": 0.00000, // Công ngày lễ
        "TotalWorking": 51.50000, // Tổng công hưởng lương
        "TotalWorkingManeuver": 0.00000, // Công điều động
        "TotalWorkingEatShift": 0.00000, // Công ăn ca
        "TotalWorkingActual": 14.48333, // Tổng công đi làm thực tế
        "TotalOTSalaryTaxable": 3.00000, // Tổng thời gian làm thêm hưởng lương tính thuế
        "TotalOTSalaryNoTax": 0.00000, // Tổng thời gian làm thêm hưởng lương không tính thuế
        "TotalOTCompensation": 3.98333, // Tổng thời gian làm thêm nghỉ bù
        "TotalOverTime": 6.98333, // Tổng giờ làm thêm
        "OTDetail": "[{"Rate": 1.0, "DayType": 1, "EndTime": "04:00:00", "StartTime": "00:00:00", "OverTimeType": 2, "TotalOTSalary": 0.0, "OverTimeTypeID": 5098, "OverTimeTypeName": "Nghỉ bù", "TotalOTCompensation": 0.98333333333333324, "IsNotFixOvertimeType": true}, {"Rate": 1.0, "DayType": 1, "EndTime": "08:00:00", "StartTime": "04:00:00", "OverTimeType": 2, "TotalOTSalary": 0.0, "OverTimeTypeID": 5099, "OverTimeTypeName": "Nghỉ bù", "TotalOTCompensation": 3.0, "IsNotFixOvertimeType": true},
```

```

{"Rate": 1.0, "DayType": 1, "EndTime": "21:00:00", "StartTime": "17:30:00", "OverTimeType": 1, "TotalOTSalary": 3.0, "OverTimeTypeID": 5101, "OverTimeTypeName": "Hưởng lương", "TotalOTCompensation": 0.0, "IsNotFixOvertimeType": true}, // Dữ liệu làm thêm
  "TotalLeave": 165.50000, // Tổng công nghỉ không lương
  "TotalLeaveByApplication": 8.00000, // Nghỉ không lương có đơn
  "WorkingDetail": [{"DayType": 1, "TotalLeave": 141.5, "TotalWorking": 15.5, "WorkingShiftID": 1097, "WorkingShiftCode": "CaHC"}, {"DayType": 3, "TotalLeave": 32.0, "TotalWorking": 0.0, "WorkingShiftID": 1097, "WorkingShiftCode": "CaHC"}, {"DayType": 2, "TotalLeave": 24.0, "TotalWorking": 0.0, "WorkingShiftID": 1097, "WorkingShiftCode": "CaHC"}], // Dữ liệu nghỉ
  "TotalMissionAllowance": 4.00000, // Tổng thời gian đi công tác
  "MissionAllowanceDetail": [{"FirstMissionAllow": 0.0, "BusinessLocationID": 153, "BusinessLocationCode": "HN", "BusinessLocationName": "HN", "TotalMissionAllowance": 4.0}], // Dữ liệu đi công tác
  "TotalLateOutEarly": 2.00000, // Số lần đi muộn về sớm
  "TotalMinuteLateOutEarly": 35.00000, // Số phút đi muộn về sớm
  "LateInEarlyOutDetail": [{"Count": 1, "NumberTo": 15, "NumberFrom": 0}, {"Count": 0, "NumberTo": 30, "NumberFrom": 15}, {"Count": 1, "NumberFrom": 30}], // Dữ liệu đi muộn về sớm
  "WorkLocationName": "Trung tâm hỗ trợ", // Tên địa điểm làm việc
  "WorkLocationCode": "DV092", // Mã địa điểm làm việc
  "CreatedDate": "2023-06-06T17:02:42.534+07:00", // Ngày tạo bảng
  "CreatedBy": null, // Người tạo bảng
  "ModifiedDate": "2023-06-06T17:02:42.534+07:00", // Ngày chỉnh sửa
  "ModifiedBy": null // Người chỉnh sửa
}
],
"GetLastData": true,
"ServerTime": "2023-06-08T09:28:50.684+07:00"
}

```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token

ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	object	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Trong đó:
PageData: Danh sách object nơi đào tạo dạng {key : value}, “key” tương ứng với tên trường là gì, và kiểu dữ liệu của trường đó là gì được mô tả bên dưới
Total: Tổng số lượng nơi đào tạo đang có trên chương trình

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
TimeSheetSummaryID	ID bảng chấm công tổng hợp	INT
FullName	Tên nhân viên	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị cơ cấu tổ chức	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc áp dụng	VARCHAR(255)
Standard	Công chuẩn	DECIMAL(10, 5)
WorkingWeekDay	Công ngày thường	DECIMAL(10, 5)
WorkingWeekEnd	Công ngày nghỉ	DECIMAL(10, 5)
WorkingHoliday	Công ngày lễ	DECIMAL(10, 5)
TotalWorking	Tổng công hưởng lương	DECIMAL(10, 5)
TotalWorkingManeuver	Công điều động	DECIMAL(10, 5)
TotalWorkingEatShift	Công ăn ca	DECIMAL(10, 5)
TotalWorkingActual	Tổng công đi làm thực tế	DECIMAL(10, 5)
TotalOTSalaryTaxable	Tổng thời gian làm thêm hưởng lương tính thuế	DECIMAL(10, 5)
TotalOTSalaryNoTax	Tổng thời gian làm thêm hưởng lương không tính thuế	DECIMAL(10, 5)
TotalOTCompensation	Tổng thời gian làm thêm nghỉ bù	DECIMAL(10, 5)
TotalOverTime	Tổng giờ làm thêm	DECIMAL(10, 5)
OTDetail	Dữ liệu làm thêm	JSON
TotalLeave	Tổng công nghỉ không lương	DECIMAL(10, 5)

TotalLeaveByApplication	Nghỉ không lương có đơn	DECIMAL(10, 5)
WorkingDetail	Dữ liệu nghỉ	JSON
TotalMissionAllowance	Tổng thời gian đi công tác	DECIMAL(10, 5)
MissionAllowanceDetail	Dữ liệu đi công tác	JSON
TotalLateOutEarly	Số lần đi muộn về sớm	DECIMAL(10, 5)
TotalMinuteLateOutEarly	Số phút đi muộn về sớm	DECIMAL(10, 5)
LateInEarlyOutDetail	Dữ liệu đi muộn về sớm	JSON
WorkLocationName	Tên địa điểm làm việc	VARCHAR(255)
WorkLocationCode	Mã địa điểm làm việc	VARCHAR(255)
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

V. API lấy danh sách đơn

1. **URL:** <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-application>
2. **Method:** POST
3. **Header:** Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. **Param** truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "Filter": null,
  "CustomFilter": null,
  "QuickSearch": {},
  "CustomParam": {
    "SubSystemCode": "Attendance", // Attendance-Đơn xin nghỉ, LateInEarlyOut-Đơn đi muộn về sớm,
    OverTime-Đơn làm thêm, MissionAllowance-Đơn công tác, UpdateTimekeeper-Đơn cập nhật công, ChangeShift-
    Đơn đổi ca
    "FromDate": "2023-03-01",
    "ToDate": "2023-03-31"
  }
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, chỉ cho phép lấy tối đa 100 bản ghi 1 lần, mặc định là 50
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để = 1
- SubSystemCode: Loại đơn ("Attendance", // Attendance-Đơn xin nghỉ, LateInEarlyOut-Đơn đi muộn về sớm, OverTime-Đơn làm thêm, MissionAllowance-Đơn công tác, UpdateTimekeeper-Đơn cập nhật công, ChangeShift-Đơn đổi ca)
- FromDate: Lấy đơn từ
- ToDate: Lấy đơn đến

5. Response trả về
 - i. Response mẫu

Đơn xin nghỉ

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 57,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "RequestDate": "2023-06-06T12:00:00.674+07:00", // Ngày nộp đơn
        "FromDate": "2023-03-01T08:00:01.000+07:00", // Thời gian nghỉ từ
        "ToDate": "2023-03-01T17:30:01.000+07:00", // Thời gian nghỉ đến
        "LeaveDay": 1.00000, // Số ngày nghỉ
        "NumberOfHourLeave": 16.00000, // Số giờ nghỉ
        "DictionaryKey": 2, // Key loại nghỉ: 1-Nghỉ phép, 2-Nghỉ không lương, 3-Nghỉ kết hôn, 4-Nghỉ con
        kết hôn, 5-Nghỉ ma chay, 6-Nghỉ hưởng chế độ BHXH, 7-Nghỉ thai sản, 8-Nghỉ bù (Đây là các loại nghỉ mặc
        định, loại nghỉ tự thêm sẽ không có key)
        "AttendanceTypeName": "Nghỉ không lương", // Tên loại nghỉ
      }
    ]
  }
}
```

```

    "AttendanceTypeName_EN": "Unpaid leave", // Tên loại nghỉ tiếng anh
    "SalaryRate": 0.00000, // Tỷ lệ hưởng lương
    "TotalLeaved": 6.00000, // Tổng số ngày đã nghỉ
    "NumRemain": 2.00000, // Số ngày nghỉ còn lại
    "NumLeave": 8.00000, // Số ngày nghỉ tối đa
    "Reason": "Bị ốm", // Lý do nghỉ
    "ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
    "ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
    "SubstituteName": null, // Tên người thay thế
    "RelationShipNames": null, // Danh sách người thay thế
    "AttendanceData": "[{"Date": "2023-02-28T00:00:00.000+07:00", "NumberOfDay": 0.0},
{"Date": "2023-03-01T00:00:00.000+07:00", "NumberOfDay": 1.0}]", // Dữ liệu nghỉ
    "EmployeeAttendanceCodes": "BH012534", // Danh sách nhân viên được làm đơn hộ
    "EmployeeAttendanceNames": "Hồ Nam Anh 231", // Danh sách nhân viên được làm đơn hộ
    "ShowEmployeeAttendance": 1, // Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không
    "Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
    "NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
    "IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
    "IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
mới
    "Description": null, // Ghi chú
    "Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
    "CreatedDate": "2023-06-06T16:52:22.893+07:00", // Ngày tạo bảng
    "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
    "ModifiedDate": "2023-06-06T16:56:32.383+07:00", // Ngày chỉnh sửa
    "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
  }
},
"GetLastData": true,
"ServerTime": "2023-06-08T09:34:50.569+07:00"
}

```

Đơn đi muộn về sớm

```

{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 2,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "ApplyDate": "2023-06-06T16:52:58.000+07:00", // Ngày nộp đơn
        "FromDate": "2023-03-02T00:00:00.000+07:00", // Đi muộn về sớm từ ngày
        "ToDate": "2023-03-02T00:00:00.000+07:00", // Đi muộn về sớm đến ngày
        "ApplyDay": null, // Ngày áp dụng(0-Tất cả, 2-Thứ 2, 3-Thứ 3,...8- Chủ Nhật)
        "ApplyDayText": null, // Ngày áp dụng (nếu trống thì là áp dụng cho cả tuần)
        "WorkingShiftNames": "CaHC", // Mã ca làm việc muốn xin đi muộn về sớm
        "CheckInLateStartTime": 60, // Số phút đi muộn đầu ca
        "CheckOutEarlyStartBreakTime": 0, // Số phút ra sớm giữa ca
      }
    ]
  }
}

```

```

"CheckInLateEndBreakTime": 0, // Số phút đi muộn giữa ca
"CheckOutEarlyEndTime": 60, // Số phút đi muộn giữa ca
"RelateNames": null, // Danh sách người liên quan
"RelateCodes": null, // Danh sách người liên quan
"Reason": "Tắc đường", // Lý do xin đi muộn về sớm
"ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
"ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
"EmployeeLateInEarlyOutCodes": "BH012534", // Danh sách nhân viên được làm đơn hộ
"EmployeeLateInEarlyOutNames": "Hồ Nam Anh 231", // Danh sách nhân viên được làm đơn hộ
"ShowEmployeeLateInEarlyOut": 0, // Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không
"Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
"NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
"IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
"IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
mới
"Description": null, // Ghi chú
"Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
"CreateDate": "2023-06-06T16:53:51.685+07:00", // Ngày tạo bảng
"CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
"ModifiedDate": "2023-06-06T16:56:06.340+07:00", // Ngày chỉnh sửa
"ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
    }
  ],
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T09:42:59.200+07:00"
}

```

Đơn đăng ký làm thêm

```

{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 17,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "ApplyDate": "2023-06-06T16:54:45.000+07:00", // Ngày nộp đơn
        "FromDate": "2023-03-03T02:00:00.000+07:00", // Làm thêm từ
        "BreakTimeFrom": null, // Nghỉ giữa ca từ
        "BreakTimeTo": null, // Nghỉ giữa ca đến
        "ToDate": "2023-03-03T07:00:00.000+07:00", // Làm thêm đến
        "WorkingShiftCode": null, // Mã ca làm việc
        "WorkingShiftName": "CaHC", // Tên ca làm việc
        "OverTimeInWorkingShift": 1, // Thời điểm làm thêm (1-Trước ca, 2-Sau ca, 3-Giữa ca, 4-Ngày
nghỉ)
        "OverTimeInWorkingShiftName": "Trước ca", // Thời điểm làm thêm
        "OvertimeType": 2, // Loại làm thêm (1-Hưởng lương, 2-Nghỉ bù)
        "OvertimeTypeName": "Nghỉ bù", // Loại làm thêm

```

```

    "Reason": "OT", // Lý do làm thêm
    "RelationShipNames": null, // Danh sách người liên quan
    "ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
    "ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
    "EmployeeOverTimeNames": "Hồ Nam Anh 231", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
    "EmployeeOverTimeCodes": "BH012534", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
    "ShowEmployeeOverTime": null, // Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không
    "Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
    "NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
    "IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
    "IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
mới
    "Description": null, // Ghi chú
    "Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
    "CreatedDate": "2023-06-06T16:55:35.464+07:00", // Ngày tạo bảng
    "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
    "ModifiedDate": "2023-06-06T16:58:26.477+07:00", // Ngày chỉnh sửa
    "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
  }
},
"GetLastData": true,
"ServerTime": "2023-06-08T09:47:52.892+07:00"
}

```

Đơn đi công tác

```

{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 40,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "RequestDate": "2023-06-06T12:00:00.524+07:00", // Ngày nộp đơn
        "FromDate": "2023-03-06T12:00:01.000+07:00", // Đi công tác từ
        "ToDate": "2023-03-06T17:30:01.000+07:00", // Đi công tác đến
        "Location": "HN", // Địa điểm đi công tác
        "Purpose": "Gặp KH", // Lý do đi công tác
        "RelationShipNames": null, // Danh sách người liên quan
        "SupportNames": null, // Tên người hỗ trợ
        "ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
        "ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
        "EmployeeMisionCodes": "BH012534", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
        "EmployeeMisionNames": "Hồ Nam Anh 231", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
        "ShowEmployeeMissionAllowance": 1, // Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không
        "Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
      }
    ]
  }
}

```

```

    "IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
    mới
    "Description": null, // Ghi chú
    "Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
    "CreateDate": "2023-06-06T16:57:09.423+07:00", // Ngày tạo bảng
    "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
    "ModifiedDate": "2023-06-06T16:57:09.423+07:00", // Ngày chỉnh sửa
    "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
  }
]
},
"GetLastData": true,
"ServerTime": "2023-06-08T09:53:55.647+07:00"
}

```

Đơn cập nhật công

```

{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 16,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "ApplyDate": "2023-06-07T10:56:22.841+07:00", // Ngày nộp đơn
        "ExplanationDate": "2023-03-07T00:00:00.000+07:00", // Ngày làm việc
        "CheckInStartTime": "07:30:00", // Giờ vào đầu ca
        "CheckOutBreakTime": null, // Giờ ra giữa ca
        "CheckInBreakTime": null, // Giờ vào giữa ca
        "CheckOutEndTime": "17:30:00", // Giờ ra cuối ca
        "WorkingShiftName": "CaHC", // Tên ca làm việc
        "ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
        "ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
        "Reason": "Máy chấm công hỏng", // Lý do
        "Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
        "IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
        mới
        "Description": null, // Ghi chú
        "Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
        "CreateDate": "2023-06-07T10:57:06.459+07:00", // Ngày tạo bảng
        "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
        "ModifiedDate": "2023-06-07T10:57:06.459+07:00", // Ngày chỉnh sửa
        "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
      }
    ]
  },
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T09:57:16.522+07:00"
}

```

```
}
```

Đơn đổi ca

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "Total": 9,
    "PageData": [
      {
        "FullName": "Hồ Nam Anh 231", // Tên nhân viên nộp đơn
        "EmployeeCode": "BH012534", // Mã nhân viên của người nộp đơn
        "OrganizationUnitName": "Trung tâm hỗ trợ", // Đơn vị của người nộp đơn
        "JobPositionName": "Nhân viên Sale", // Vị trí công việc của người nộp đơn
        "JobTitleName": null, // Tên chức danh
        "RequestDate": "2023-06-07T11:09:27.231+07:00", // Ngày nộp đơn
        "WorkingDate": "2023-03-09T00:00:00.000+07:00", // Ngày làm việc
        "WorkingShiftCodeFrom": "CaHC", // Ca làm việc hiện tại
        "WorkingShiftNameFrom": "CaHC", // Ca làm việc hiện tại
        "ChangeDate": "2023-03-09T00:00:00.000+07:00", // Ngày đăng ký đổi
        "WorkingShiftCodeTo": "AH11", // Ca làm việc đăng ký đổi
        "WorkingShiftNameTo": "Test2", // Ca làm việc đăng ký đổi
        "EmployeeNameChange": null, // Người đổi ca với
        "ApprovalName": "Loan Đào 2", // Tên người duyệt
        "ForwarderNames": null, // Danh sách người chuyển tiếp
        "Reason": "Bị việc gia đình", // Lý do
        "EmployeeChangeShiftCodes": "BH012534", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
        "EmployeeChangeShiftNames": "Hồ Nam Anh 231", // Danh sách người làm được làm đơn hộ
        "ShowEmployeeChangeShift": 1, // Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không
        "Step": 0, // Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "NextStep": 0, // Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)
        "IsProcess": 0, // Đơn có áp dụng quy trình không
        "IsApplyProcessNew": 1, // Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn
mới
        "Description": null, // Ghi chú
        "Status": 2, // Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp
        "CreatedDate": "2023-06-07T11:10:32.329+07:00", // Ngày tạo bảng
        "CreatedBy": "NV0000612", // Người tạo bảng
        "ModifiedDate": "2023-06-07T11:10:32.329+07:00", // Ngày chỉnh sửa
        "ModifiedBy": "NV0000612" // Người chỉnh sửa
      }
    ]
  },
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T10:00:39.054+07:00"
}
```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description

Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	object	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Trong đó:
PageData: Danh sách object thông tin trường người dùng tự thêm dạng {key : value}, được mô tả bên dưới
Total: Tổng số lượng thông tin trường người dùng tự thêm đang có trên chương trình

Đơn xin nghỉ

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
RequestDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
FromDate	Thời gian nghỉ từ	DATETIME
ToDate	Thời gian nghỉ đến	DATETIME
LeaveDay	Số ngày nghỉ	DECIMAL(10, 5)
NumberOfHourLeave	Số giờ nghỉ	DECIMAL(10, 5)

DictionaryKey	Key loại nghỉ: 1-Nghỉ phép, 2-Nghỉ không lương, 3-Nghỉ kết hôn, 4-Nghỉ con kết hôn, 5-Nghỉ ma chay, 6-Nghỉ hưởng chế độ BHXH, 7-Nghỉ thai sản, 8-Nghỉ bù (Đây là các loại nghỉ mặc định, loại nghỉ tự thêm sẽ không có key)	INT
AttendanceTypeName	Tên loại nghỉ	VARCHAR(255)
AttendanceTypeName_EN	Tên loại nghỉ tiếng anh	VARCHAR(255)
SalaryRate	Tỷ lệ hưởng lương	DECIMAL(10, 5)
TotalLeaved	Tổng số ngày đã nghỉ	DECIMAL(10, 5)
NumRemain	Số ngày nghỉ còn lại	DECIMAL(10, 5)
NumLeave	Số ngày nghỉ tối đa	DECIMAL(10, 5)
Reason	Lý do nghỉ	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)
ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
SubstituteName	Tên người thay thế	VARCHAR(255)
RelationShipNames	Danh sách người thay thế	VARCHAR(255)
AttendanceData	Dữ liệu nghỉ	JSON
EmployeeAttendanceCodes	Danh sách nhân viên được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
EmployeeAttendanceNames	Danh sách nhân viên được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
ShowEmployeeAttendance	Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không	Bit
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

Đơn xin đi muộn về sớm

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)

JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
ApplyDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
FromDate	Đi muộn về sớm từ ngày	DATETIME
ToDate	Đi muộn về sớm đến ngày	DATETIME
ApplyDay	Ngày áp dụng(0-Tất cả, 2-Thứ 2, 3-Thứ 3,...8- Chủ Nhật)	INT
ApplyDayText	Ngày áp dụng (nếu trống thì là áp dụng cho cả tuần)	VARCHAR(255)
WorkingShiftNames	Mã ca làm việc muốn xin đi muộn về sớm	VARCHAR(255)
CheckInLateStartTime	Số phút đi muộn đầu ca	INT
CheckOutEarlyStartBreakTime	Số phút ra sớm giữa ca	INT
CheckInLateEndBreakTime	Số phút đi muộn giữa ca	INT
CheckOutEarlyEndTimeint	Số phút về sớm cuối ca	INT
RelateNames	Danh sách người liên quan	VARCHAR(255)
RelateCodes	Danh sách người liên quan	VARCHAR(255)
Reason	Lý do xin đi muộn về sớm	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)
ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
EmployeeLateInEarlyOutCodes	Danh sách nhân viên được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
EmployeeLateInEarlyOutNames	Danh sách nhân viên được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
ShowEmployeeLateInEarlyOut	Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không	Bit
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

Đơn đăng ký làm thêm

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)

JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
ApplyDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
FromDate	Làm thêm từ	DATETIME
BreakTimeFrom	Nghỉ giữa ca từ	DATETIME
BreakTimeTo	Nghỉ giữa ca đến	DATETIME
ToDate	Làm thêm đến	DATETIME
WorkingShiftCode	Mã ca làm việc	VARCHAR(255)
WorkingShiftName	Tên ca làm việc	VARCHAR(255)
OverTimeInWorkingShift	Thời điểm làm thêm (1-Trước ca, 2-Sau ca, 3-Giữa ca, 4-Ngày nghỉ)	INT
OverTimeInWorkingShiftName	Thời điểm làm thêm	VARCHAR(255)
OvertimeType	Loại làm thêm (1-Hưởng lương, 2-Nghỉ bù)	INT
OvertimeTypeName	Loại làm thêm	VARCHAR(255)
Reason	Lý do làm thêm	VARCHAR(255)
RelationshipNames	Danh sách người liên quan	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)
ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
EmployeeOverTimeNames	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
EmployeeOverTimeCodes	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
ShowEmployeeOverTime	Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không	Bit
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

Đơn công tác

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)

OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
RequestDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
FromDate	Đi công tác từ	DATETIME
ToDate	Đi công tác đến	DATETIME
Location	Địa điểm đi công tác	VARCHAR(255)
Purpose	Lý do đi công tác	VARCHAR(255)
RelationShipNames	Danh sách người liên quan	VARCHAR(255)
SupportNames	Tên người hỗ trợ	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)
ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
EmployeeMisionCodes	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
EmployeeMisionNames	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
ShowEmployeeMissionAllowance	Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không	Bit
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

Đơn cập nhật công

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
ApplyDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
ExplanationDate	Ngày làm việc	DATETIME

CheckInStartTime	Giờ vào đầu ca	TIMESTAMP
CheckOutBreakTime	Giờ ra giữa ca	TIMESTAMP
CheckInBreakTime	Giờ vào giữa ca	TIMESTAMP
CheckOutEndTime	Giờ ra cuối ca	TIMESTAMP
WorkingShiftName	Tên ca làm việc	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)
ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
Reason	Lý do	VARCHAR(255)
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nhập	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

Đơn đổi ca

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
FullName	Tên nhân viên nộp đơn	VARCHAR(255)
EmployeeCode	Mã nhân viên của người nộp đơn	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Đơn vị của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobPositionName	Vị trí công việc của người nộp đơn	VARCHAR(255)
JobTitleName	Tên chức danh	VARCHAR(255)
RequestDate	Ngày nộp đơn	DATETIME
WorkingDate	Ngày làm việc	DATE
WorkingShiftCodeFrom	Ca làm việc hiện tại	VARCHAR(255)
WorkingShiftNameFrom	Ca làm việc hiện tại	VARCHAR(255)
ChangeDate	Ngày đăng ký đổi	DATETIME
WorkingShiftCodeTo	Ca làm việc đăng ký đổi	VARCHAR(255)
WorkingShiftNameTo	Ca làm việc đăng ký đổi	VARCHAR(255)
EmployeeNameChange	Người đổi ca với	VARCHAR(255)
ApprovalName	Tên người duyệt	VARCHAR(255)

ForwarderNames	Danh sách người chuyển tiếp	VARCHAR(255)
Reason	Lý do	VARCHAR(255)
EmployeeChangeShiftCodes	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
EmployeeChangeShiftNames	Danh sách người làm được làm đơn hộ	VARCHAR(255)
ShowEmployeeChangeShift	Có thiết lập cho phép lập đơn hộ nhân viên khác không	Bit
Step	Đơn đang ở bước mấy (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
NextStep	Bước tiếp theo của đơn (Với trường hợp công ty có áp dụng quy trình duyệt đơn)	INT
IsProcess	Đơn có áp dụng quy trình không	Bit
IsApplyProcessNew	Đơn đi theo quy trình duyệt đơn cũ hay áp dụng quy trình duyệt đơn mới	Bit
Description	Ghi chú	VARCHAR(255)
Status	Trạng thái đơn: 1-Chờ duyệt, 2-Đã duyệt, 3-Từ chối, 4-Đơn nháp	INT
CreatedDate	Ngày tạo bảng	DATETIME
CreatedBy	Người tạo bảng	VARCHAR(255)
ModifiedDate	Ngày chỉnh sửa	DATETIME
ModifiedBy	Người chỉnh sửa	VARCHAR(255)

VI. API lấy danh sách thông tin nhân viên

1. URL: <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-employee>
2. Method: GET
3. Header: Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. Response trả về
 - i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": [
    {
      "EmployeeCode": "NV0001", // Mã nhân viên
      "FullName": "Nguyễn Văn Đoàn", // Họ và Tên
      "OrganizationUnitID": 3, // ID đơn vị công tác
      "OrganizationUnitName": "Cty Cổ phần thực phẩm TOCOTOCO", //Tên đơn vị công tác
      "JobPositionName": "", // Tên Vị trí công việc
      "JobPositionID": "2023-03-01T00:00:00.000+07:00", // ID vị trí làm việc
      "ShiftCode": "1234", // Mã chấm công
      "EmployeeStatusID": 1, // Trạng thái làm việc 1 – Đang làm việc, 2 – Đã nghỉ việc
    },
    {
      "EmployeeCode": "NV0002", // Mã nhân viên
      "FullName": "Nguyễn Văn Đoàn", // Họ và Tên
      "OrganizationUnitID": 3, // ID đơn vị công tác
      "OrganizationUnitName": "Cty Cổ phần thực phẩm TOCOTOCO", //Tên đơn vị công tác
      "JobPositionName": "", // Tên Vị trí công việc
      "JobPositionID": "2023-03-01T00:00:00.000+07:00", // ID vị trí làm việc
      "ShiftCode": "1235", // Mã chấm công
      "EmployeeStatusID": 1, // Trạng thái làm việc 1 – Đang làm việc, 2 – Đã nghỉ việc
    }
  ],
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T09:26:55.060+07:00"
}
```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary>

		/// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	Array	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
EmployeeCode	Mã nhân viên	VARCHAR(255)
FullName	Họ và Tên	VARCHAR(255)
OrganizationUnitID	ID đơn vị công tác	INT
OrganizationUnitName	Tên đơn vị công tác	VARCHAR(255)
JobPositionID	ID vị trí làm việc	INT
JobPositionName	Tên vị trí làm việc	VARCHAR(255)
ShiftCode	Mã chấm công	VARCHAR(255)
EmployeeStatusID	Trạng thái làm việc của nhân viên	INT

VII. API lấy dữ liệu chấm công thô

1. URL: <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/get-data-timekeeper>
2. Method: POST
3. Header: Hướng dẫn trong **Tạo tham số trong header của API** mục **Xác Thực** bên trên
4. Param truyền lên

```
{
  "PageSize": 50, // Số bản ghi lấy
  "PageIndex": 1, // Số trang lấy
  "FromDate": "2025-11-01 00:00:00",
  "ToDate": "2025-11-31 23:59:59",
  "EmployeeCode": "NV0001"
}
```

- PageSize: Số lượng bản ghi muốn lấy, mặc định là 100
- PageIndex: Số trang muốn lấy, mặc định để là 1
- FromDate: Lấy dữ liệu từ thời gian
- ToDate: Lấy dữ liệu đến thời gian
- EmployeeCode: Mã nhân viên muốn lấy dữ liệu nếu muốn (lấy tất cả thì không truyền)

5. Response trả về
i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": {
    "PageData": [
      {
        "EmployeeCode": "NV0001",
        "FullName": "Vũ Ngọc Mai",
        "OrganizationUnitName": "Công ty Cổ phần MISA",
        "CheckTime": "2025-11-19T08:30:00.000+07:00",
        "JobPositionName": "Nhân viên thiết kế sản phẩm",
        "DataSourceID": 4
      },
      {
        "EmployeeCode": "NV0001",
        "FullName": "Vũ Ngọc Mai",
        "OrganizationUnitName": "Công ty Cổ phần MISA",
        "CheckTime": "2025-11-20T08:30:00.000+07:00",
        "JobPositionName": "Nhân viên thiết kế sản phẩm",
        "DataSourceID": 4
      }
    ],
    "Total": 2
  },
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2025-12-01T09:20:32.989+07:00"
}
```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	<i>True, false</i>
Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999

SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	Array	Dữ liệu response (Được mô tả thêm bên dưới)

iii. Mô tả “Data” trong Response

Tên trường	Tiêu đề	Kiểu dữ liệu
EmployeeCode	Mã nhân viên	VARCHAR(255)
FullName	Họ và Tên	VARCHAR(255)
OrganizationUnitName	Tên đơn vị công tác	VARCHAR(255)
CheckTime	Thời gian chấm công	DATETIME
JobPositionName	Tên vị trí công việc	VARCHAR(255)
DataSourceID	Nguồn phát sinh dữ liệu	INT

iv. Mô tả “DataSourceID” trong Response

Danh sách nguồn dữ liệu bao gồm:

- 1: Máy chấm công
- 2: Chấm công trên ứng dụng Web Nhân viên
- 3: Chấm công trên ứng dụng MISA AMIS trên Mobile
- 4: Chấm công hộ trên Web Nhân viên
- 5: Chấm công hộ trên ứng dụng MISA AMIS trên Mobile
- 6: Chỉnh sửa trên bảng chấm công chi tiết
- 7: Nhập khẩu dữ liệu chấm công
- 8: Chấm công trên máy tính bảng
- 9: Sửa tay dữ liệu chấm công
- 10: Phát sinh từ bên thứ 3 ngoài AMIS
- 11: Chấm công từ ứng dụng CRM

C) Đẩy dữ liệu

I. API đẩy dữ liệu chấm công

- URL: <https://amisapp.misa.vn/APIS/TimesheetOpenAPI/api/Open/insert-timekeeper-data>
- Method: POST
- Header: Hướng dẫn trong Tạo tham số trong header của API mục Xác Thực bên trên
- Param truyền lên:

[

```
{
  "CheckTime": "2023-10-14T08:00:00+07:00",
  "EmployeeCode": "NV000001",
  "Longitude": 0,
  "Latitude": 0,
  "WifiName": null,
  "GPSName": null,
  "QRCodeName": null
},
{
  "CheckTime": "2023-10-14T17:30:00+07:00",
  "EmployeeCode": "NV000001",
  "Longitude": 0,
  "Latitude": 0,
  "WifiName": null,
  "GPSName": null,
  "QRCodeName": null
},
}
```

- CheckTime: DateTime //Thời gian chấm công của nhân viên
- EmployeeCode: String //Mã nhân viên trên hệ thống AMIS
- Longitude: Double //Kinh độ chấm công theo GPS(nếu có)
- Latitude: Double //Vĩ độ chấm công theo GPS(nếu có)
- GPSName: String //Địa chỉ cố định chấm công theo GPS(nếu có)
- WifiName: String //Tên wifi chấm công(nếu có)
- QRCodeName: String //Tên QR thực hiện chấm công(nếu có)

5. Response trả về

i. Response mẫu

```
{
  "ValidateInfo": [],
  "Success": true,
  "Code": 0,
  "SubCode": 0,
  "UserMessage": null,
  "SystemMessage": null,
  "Data": null,
  "GetLastData": true,
  "ServerTime": "2023-06-08T09:21:43.443+07:00"
}
```

ii. Mô tả Response

Response		
Key	Value	Description
Success	bool	True, false

Code	int	Mã Code trạng thái: /// <summary> /// Thành công /// </summary> Success = 0, /// <summary> /// Gặp lỗi /// </summary> Error = 99, /// <summary> /// Lỗi hệ thống /// </summary> Exception = 999
SubCode	int	Danh sách lỗi validate token 101: Thiếu header x-clientid 102: Header x-clientid không hợp lệ 103: Tham số không đúng định dạng 104: Thiếu header x-token 105: Tham số lệch với token
ServerTime	DATETIME	Giờ hiện tại của server
UserMessage	TEXT	Nội dung lỗi hiển thị cho người dùng
SystemMessage	TEXT	Nội dung lỗi của hệ thống (phục vụ cho quá trình kiểm tra lỗi)
Data	null	Không có dữ liệu